



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN²
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
1	66	PHẠM NHẬT	DUY	16/07/2002	HỒ CHÍ MINH	THCS MINH ĐỨC	35.3	2	
2	137	BÙI ĐOÀN THẾ	HUY	16/06/2002	HỒ CHÍ MINH	THCS MINH ĐỨC	35.3	2	
3	204	VÕ HUỖNH THIÊN	LONG	28/12/2002	HỒ CHÍ MINH	THCS MINH ĐỨC	34.8	2	
4	326	ĐỖ MINH	QUANG	09/01/2002	HỒ CHÍ MINH	THCS MINH ĐỨC	34.5	1	
5	536	PHAN NGUYỄN TRÂM	ANH	19/02/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS ĐỨC TRÍ	36.0	1	
6	605	LƯU CHÍ	DŨNG	12/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	THPT LƯƠNG THẾ VINH	36.5	1	
7	743	NGUYỄN KHẢI	HUY	11/09/2002	ĐỒNG NAI	THCS CHU VĂN AN	39.8	1	
8	764	NGUYỄN LÊ NGỌC	HUYỀN	27/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	THPT LƯƠNG THẾ VINH	35.3	1	
9	790	NGUYỄN NHẬT	KHANG	30/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS ĐỨC TRÍ	35.5	2	
10	798	LÊ NGUYỄN HOÀNG	KHANH	30/03/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS CHU VĂN AN	34.5	1	
11	1065	LÊ TRỊNH HOÀNG	PHONG	28/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	THPT LƯƠNG THẾ VINH	37.0	1	
12	1121	TẠ ĐÔNG	QUÂN	29/01/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS CHU VĂN AN	37.0	1	
13	1288	LÊ QUANG	TIẾN	18/01/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS CHU VĂN AN	37.3	1	
14	1411	TRẦN THẢO	UYÊN	16/04/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS CHU VĂN AN	37.5	1	
15	1468	HUỖNH PHAN THANH	XUÂN	10/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	THPT LƯƠNG THẾ VINH	36.0	2	
16	2441	LÝ NGUYỄN THIÊN	Y	18/07/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	THCS TRẦN VĂN ƠN	35.3	2	
17	3853	TRẦN GIA	BẢO	28/06/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	THCS PHAN SÀO NAM	34.0	1	
18	4000	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	16/08/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LÊ LỢI	37.8	1	
19	4127	NGUYỄN THỊ THÁI	HUYỀN	16/03/2002	TP HCM	THCS LÊ QUÝ ĐÔN	34.3	1	
20	4135	NGUYỄN PHÚC	HÙNG	27/06/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	THCS PHAN SÀO NAM	35.3	1	
21	4158	PHẠM THANH	KHẢI	01/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	THCS KIẾN THIẾT	37.0	1	
22	4217	DƯƠNG ANH	KHOA	02/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	THCS KIẾN THIẾT	35.3	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN²

VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)

TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
23	4224	NGUYỄN ANH	KHOA	25/11/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LÊ LỢI	41.3	1	
24	4352	VIÊN HUY	LƯƠNG	19/07/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	THCS PHAN SÀO NAM	33.5	1	
25	4364	VĂNG MINH	MÃN	09/04/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	THCS PHAN SÀO NAM	38.3	1	
26	4419	ĐINH NGUYỄN ĐÌNH	NAM	24/02/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	THCS PHAN SÀO NAM	35.0	1	
27	4523	TRẦN TAM	NGUYỄN	17/11/2002	TP.HCM	THCS BÀN CỜ	34.0	1	
28	4570	TRẦN LÝ UYÊN	NHI	20/12/2002	TP.HCM	THCS BÀN CỜ	35.3	1	
29	4676	LÊ TUYẾT	PHƯƠNG	14/07/2002	TP.HCM	THCS BÀN CỜ	34.5	1	
30	4726	VÕ ĐÔNG	QUÂN	24/03/2002	TP.HCM	THCS THĂNG LONG	34.3	1	
31	4747	LÊ TRẦN PHƯƠNG	QUỲNH	04/11/2002	TP HCM	THCS LÊ QUÝ ĐÔN	34.0	1	
32	4891	TÔN NỮ THY	THƠ	30/09/2002	TP.HCM	THCS BÀN CỜ	34.8	1	
33	4922	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	02/04/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	THCS PHAN SÀO NAM	35.0	1	
34	4964	NGUYỄN TÂN	TIẾN	27/05/2002	VŨNG TÀU	THCS THĂNG LONG	36.0	1	
35	5003	TRƯƠNG THỊ THẢO	TRÂM	26/06/2002	TP.HCM	THCS BÀN CỜ	34.5	1	
36	5100	TRỊNH QUỐC	TUẤN	04/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIẾN THIẾT	35.8	1	
37	5370	LÊ TRẦN HOÀNG	ANH	27/02/2002	Q1.TP HỒ CHÍ MINH	THCS BẠCH ĐẰNG	35.0	1	
38	5921	NGUYỄN NGỌC MINH	QUÂN	14/10/2002	Q1.TP HỒ CHÍ MINH	THCS BẠCH ĐẰNG	38.5	1	
39	6440	ĐINH NGỌC KIM	NGÂN	18/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS NGUYỄN HUỆ	34.0	1	
40	7581	LÝ QUỐC LẬP	AN	23/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THPT TRẦN HỮU TRANG	39.3	1	
41	7586	TRƯƠNG MINH VIỆT	AN	05/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	38.3	1	
42	7633	GIANG GIA	ÂN	23/09/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	42.0	1	
43	7634	HỒNG THIÊN	ÂN	17/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	35.5	1	
44	7644	TRẦN HUỖNH	ÂN	25/02/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	37.3	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
45	7652	GIÁP GIA BẢO	05/12/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	36.8	1	
46	7659	NGÔ DƯƠNG GIA BẢO	04/07/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	35.8	1	
47	7661	NGUYỄN HỮU QUỐC BẢO	09/12/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	33.5	1	
48	7662	NGUYỄN QUỐC BẢO	26/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	33.8	1	
49	7666	VÕ HUỖNH THIÊN BẢO	27/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	34.8	1	
50	7667	VÕ TRẦN TÂM BẢO	01/06/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	35.3	2	
51	7711	LƯU ANH ĐIỂM	18/03/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	37.8	1	
52	7732	VŨ LÊ NGỌC DUNG	14/11/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	40.3	1	
53	7737	NGUYỄN TRÍ DŨNG	09/12/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	36.5	1	
54	7747	PHÙ TRUYỀN MÃN DUY	27/03/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	34.0	1	
55	7758	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	11/03/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	34.8	1	
56	7767	NGUYỄN THÙY NGỌC ĐAN	11/01/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	37.8	1	
57	7773	HUỖNH KỶ ĐẠT	05/06/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	33.5	1	
58	7788	PHAN THÀNH ĐẠT	03/02/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	35.3	2	
59	7792	TRẦN QUỐC ĐẠT	04/05/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	34.8	1	
60	7793	TRƯƠNG VĨNH ĐẠT	21/07/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	38.0	1	
61	7801	BÀNH MINH ĐỨC	31/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	39.5	1	
62	7825	HỨA SÂM HẢI	20/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	35.0	1	
63	7856	TRẦN GIA HÀO	20/12/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	36.0	1	
64	7860	BÙI DIỆP GIA HÂN	22/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THPT TRẦN HỮU TRANG	35.8	1	
65	7866	LA DĨNH HÂN	21/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	37.8	1	
66	7881	HUỖNH THANH HẬU	30/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	36.8	1	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)

TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
67	7904	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	15/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	35.0	1	
68	7905	NGUYỄN XUÂN HIẾU	31/01/2002	HÀ TÂY	THCS LÝ PHONG	38.0	1	
69	7909	BÙI THANH HÒA	18/12/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	33.8	1	
70	7910	ĐÀO GIA HÒA	14/11/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	33.5	1	
71	7911	QUÁCH NHÃ HOÀN	02/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	39.8	1	
72	7914	QUÁCH GIA HOÀNG	09/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	40.8	1	
73	7928	BÙI TUẤN HÙNG	19/02/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	34.5	1	
74	7932	ĐÀM TRẦN THANH HUY	02/03/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	36.5	1	
75	7946	NGUYỄN QUỐC HUY	19/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	36.8	1	
76	7949	PHƯƠNG GIA HUY	05/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	37.3	1	
77	7955	TRẦN THÀNH HUY	05/09/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	33.5	1	
78	7957	TRƯƠNG TRÍ HUY	16/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	34.8	1	
79	7967	LÝ TẤN HÙNG	22/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	37.5	1	
80	7970	NGUYỄN DUY HÙNG	17/07/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	34.5	1	
81	7972	PHẠM PHƯỚC HÙNG	31/03/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	39.8	1	
82	7979	TRƯƠNG GIAI HÙNG	28/08/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	39.5	1	
83	7982	NGUYỄN HUỲNH KIM HƯƠNG	19/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	36.3	1	
84	7994	PHAN LÊ TUẤN KHẢI	25/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	34.3	1	
85	7996	CHÂU VĨNH KHANG	30/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	35.5	1	
86	8015	NGUYỄN LÊ VÂN KHANH	22/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	34.0	1	
87	8036	PHAN NGỌC ĐĂNG KHOA	29/03/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	33.8	1	
88	8053	LÝ HỒNG KIÊN	19/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	35.8	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỜNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
89	8058	LÝ ANH KIẾT	23/04/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	34.5	1	
90	8064	CAO NGỌC MINH KIM	11/01/2001	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	36.3	1	
91	8073	LÊ NGUYỆT LAM	22/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	39.0	1	
92	8081	PHÙNG MỸ LÂM	11/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THPT TRẦN HỮU TRANG	42.3	1	
93	8107	TRƯƠNG PHẠM THÙY LINH	26/08/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	37.5	2	
94	8117	TRẦN GIA LONG	18/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	34.8	1	
95	8140	LÊ CHÍ LUÂN	30/09/2001	SÓC TRĂNG	THCS HỒNG BÀNG	33.8	1	
96	8142	WU SHOU LUN	31/08/2002	ĐÀI LOAN	THCS LÝ PHONG	35.8	1	
97	8149	HỒ NGỌC MAI	27/12/2002	AN GIANG	THCS HỒNG BÀNG	33.8	1	
98	8162	DƯƠNG THỊ NGỌC MINH	14/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	35.0	1	
99	8191	NGUYỄN THÁI TÚ MY	26/01/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	34.3	1	
100	8196	THÁI HOÀNG DIỄM MY	29/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	36.5	1	
101	8206	LÊ NAM	18/11/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	36.5	1	
102	8221	KHUƠNG MỸ NGÂN	21/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	35.3	1	
103	8252	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	15/08/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	36.3	2	
104	8255	BÙI BẢO NGỌC	26/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	36.8	1	
105	8278	TRẦN HUỲNH BẢO NGỌC	21/10/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	33.8	1	
106	8302	CAO TRẦN MINH NGUYỆT	14/04/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	40.8	1	
107	8324	KIM TRƯƠNG UYỂN NHI	02/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	34.5	1	
108	8328	LÝ HẠNH NHI	01/11/2001	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	39.3	1	
109	8333	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG NHI	05/02/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	43.0	1	
110	8346	TRẦN THỊ TUYẾT NHI	14/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	34.8	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
111	8348	TRẦN YẾN NHI	18/12/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	34.3	1	
112	8373	MAI PHAN KHÁNH NHƯ	05/10/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	38.3	1	
113	8374	NGÔ HUỆ NHƯ	02/01/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	33.5	1	
114	8387	PHAN KIỀU OANH	19/06/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	36.0	1	
115	8392	HUỲNH LƯƠNG PHÁT	27/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	38.3	1	
116	8422	TRANG PHONG	20/10/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	43.3	1	
117	8425	ĐINH NGUYỄN GIA PHÚ	07/05/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	39.0	1	
118	8435	VŨ GIA PHÚ	09/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	36.3	2	
119	8437	ĐỖ TRƯỞNG HỒNG PHÚC	27/04/2002	TIỀN GIANG	THCS TRẦN BỘI CƠ	38.3	1	
120	8450	VÕ THIÊN PHÚC	17/03/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	33.5	1	
121	8452	LÝ GIA PHỤNG	17/02/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	33.8	1	
122	8453	NGUYỄN HOÀNG PHỤNG	08/11/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	36.5	1	
123	8467	LÊ UYÊN PHƯƠNG	23/08/2002	KHÁNH HÒA	THCS HỒNG BÀNG	34.3	1	
124	8483	TRẦN THỊ MỸ PHƯƠNG	09/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	34.8	1	
125	8492	LƯU HIỂU QUÂN	05/12/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	37.0	1	
126	8525	LŨ MỸ SÂM	08/05/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	36.0	1	
127	8526	TRẦN QUỐC SIÊU	13/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THPT TRẦN HỮU TRANG	36.3	1	
128	8551	NGUYỄN HOÀNG MINH TÂM	02/02/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	35.0	1	
129	8578	HUỲNH NGÂN THANH	08/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	37.0	2	
130	8580	LÊ NGUYỄN THANH	12/11/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	36.5	1	
131	8586	TRẦN NGỌC THANH	13/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	37.8	1	
132	8589	BIỆN HUANG KIM THÀNH	21/01/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	34.3	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
133	8605	VĂN PHƯỚC CÔNG THÀNH	29/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	33.8	1	
134	8606	HỒ NGUYỄN THANH THẢO	23/04/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	33.5	1	
135	8612	PHẠM LÝ THÁI THẢO	26/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	33.5	1	
136	8618	NGÔ VĨ THÂN	29/05/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	39.3	1	
137	8628	NGUYỄN NAM THIÊN	15/11/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	39.0	2	
138	8632	LÂM NHƯ THIÊN	31/05/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	34.0	1	
139	8658	HOÀNG VIẾT THỤ	21/09/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	34.8	1	
140	8659	BÙI ĐỨC THUẬN	20/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	37.3	1	
141	8666	VƯƠNG ỨNG THUẬT	20/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	35.5	1	
142	8668	NGUYỄN VÕ THANH THÙY	24/12/2001	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	34.8	1	
143	8680	LÊ HUỖNH ANH THƯ	08/06/2002	TIỀN GIANG	THCS LÝ PHONG	34.5	1	
144	8685	TRẦN ANH THƯ	13/04/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	38.0	1	
145	8715	TRƯỜNG GIA TIẾN	07/09/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	37.0	1	
146	8722	LÂM CHÍ TOÀN	13/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	33.8	1	
147	8750	CAO HOÀNG KHÁNH TRẦN	31/10/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	35.8	1	
148	8760	LÊ MINH TRÍ	04/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	34.3	1	
149	8762	NGUYỄN NGHIỆP TRÍ	26/04/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	33.5	1	
150	8773	TRƯƠNG HẢI TRIỀU	20/01/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	39.0	2	
151	8780	HỒ THANH TRÚC	25/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	36.5	1	
152	8788	TRƯỜNG THANH TRÚC	15/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	35.0	1	
153	8819	MAI NGỌC TUẤN	22/08/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	35.5	1	
154	8823	NGUYỄN QUỲNH ANH TUẤN	28/09/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	34.8	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
155	8836	TRẦN THANH TUYÊN	06/02/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	40.0	1	
156	8848	LÊ VÕ HỮU UY	28/07/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	35.8	1	
157	8851	LÊ HỒ HỒNG UYÊN	12/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	38.3	1	
158	8857	TRƯƠNG TÚ UYÊN	11/08/2002	BÌNH ĐỊNH	THCS HỒNG BÀNG	35.8	2	
159	8864	PHÙNG THỊ THUỖ VÂN	24/10/2002	CẦN THƠ	THCS TRẦN BỘI CƠ	33.5	1	
160	8875	ĐỖ NGỌC LAN VI	26/01/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	35.8	1	
161	8926	TRẦN NGỌC LAN VY	14/08/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	35.0	1	
162	8927	TRẦN NGUYỄN TƯỜNG VY	15/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	36.0	1	
163	8929	LÊ ĐÌNH VỸ	20/03/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	34.0	1	
164	8940	LÔ HỒNG YẾN	09/03/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	37.0	1	
165	8947	DƯƠNG XUÂN AN	18/07/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	33.8	1	
166	8952	NGUYỄN LÊ PHÚC AN	25/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	34.5	2	
167	8967	LA NGỌC KIM ANH	08/12/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	35.3	1	
168	8990	PHAN THỊ LOAN ANH	25/03/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	37.0	1	
169	9002	HỨA THỊ GIA ÁNH	17/11/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	36.5	2	
170	9014	CAO GIA BẢO	10/01/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	35.8	2	
171	9020	MAI QUỐC BẢO	15/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	34.8	1	
172	9021	NGÔ ĐỨC BẢO	25/04/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	36.5	2	
173	9034	NGUYỄN HOÀNG KIM BÌNH	06/03/2002	HÀ NỘI	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	34.3	1	
174	9037	PHAN BỬU BỬU	08/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	33.8	1	
175	9045	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	06/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	35.5	1	
176	9063	MAI THÀNH TẤN CƯỜNG	12/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIỂM HÙNG	35.5	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
177	9064	TRẦN BÁCH CƯỜNG	24/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	34.5	1	
178	9065	LÂM TRẦN NGỌC DÀN	27/07/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	39.8	1	
179	9072	QUÁCH NGỌC MỸ DI	05/08/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	34.5	1	
180	9074	TRỊNH KHẢ DI	20/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	36.5	1	
181	9076	PHÙNG NGỌC DIỆP	14/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	34.3	1	
182	9077	LƯƠNG KHIẾT ĐIỀU	02/03/2002	BÌNH THUẬN	THCS KIM ĐỒNG	35.5	1	
183	9081	TRẦN TUYẾT DOANH	03/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	35.5	1	
184	9090	LÊ THANH DUY	28/10/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	39.8	1	
185	9098	PHAN NGUYỄN NHẬT DUY	04/01/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	37.8	1	
186	9105	LÊ NGUYỄN HẢI DƯƠNG	27/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	39.3	1	
187	9107	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	25/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	36.8	2	
188	9112	TRẦN PHƯỚC TRANG ĐÀI	22/05/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	37.0	3	
189	9116	NGUYỄN LINH ĐAN	21/02/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	37.0	1	
190	9118	DƯƠNG TRẦN NGUYỄN ĐẠT	01/05/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	36.8	2	
191	9119	HUỲNH MINH ĐẠT	02/02/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	34.8	1	
192	9128	LÝ MINH ĐĂNG	02/12/2002	BÌNH ĐỊNH	THCS BA ĐÌNH	34.0	1	
193	9164	ĐỖ KIẾN HÀO	10/03/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	35.5	1	
194	9172	TRẦN ANH HÀO	27/10/2002	ĐỒNG THÁP	THCS KIM ĐỒNG	33.5	1	
195	9181	LÝ KHẢ HÂN	24/05/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	35.8	2	
196	9204	TRƯƠNG CHÍ HIỂN	15/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	36.0	1	
197	9223	CHÂU GIA HUỆ	21/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	38.8	1	
198	9242	HUỲNH GIA HUY	28/08/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	37.8	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
199	9246	LÝ KIẾN HUY	14/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	37.3	1	
200	9247	NGÔ TRỊNH MINH HUY	12/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	34.5	1	
201	9250	NGUYỄN GIA HUY	05/03/2002	TPHCM	THCS BA ĐÌNH	35.3	1	
202	9268	NGUYỄN HUỖNH BẢO HƯNG	19/03/2002	BẠC LIÊU	THCS KIM ĐỒNG	38.5	1	
203	9269	NGUYỄN TẤN HƯNG	02/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	35.0	1	
204	9271	TĂNG PHÚC HƯNG	19/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	36.5	1	
205	9273	TRẦN NGUYỄN KIM HƯNG	21/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	38.5	1	
206	9282	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	02/12/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	34.0	1	
207	9283	TỬ LÊ LAN HƯƠNG	04/03/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	37.5	2	
208	9285	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG KHA	06/11/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	38.3	1	
209	9298	NGUYỄN NHẬT KHANG	16/07/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	39.0	1	
210	9305	TRẦN HOÀNG DĨ KHANG	31/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	36.3	2	
211	9306	ÂU THỤC KHANH	21/05/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	35.5	1	
212	9319	TRẦN DƯƠNG GIA KHIÊM	03/11/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	34.3	1	
213	9327	NGUYỄN ĐỨC ĐĂNG KHOA	06/05/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	34.5	1	
214	9336	VÕ VĂN ANH KHOA	01/01/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	36.0	2	
215	9351	TRƯƠNG TUẤN KIẾT	24/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	38.8	1	
216	9358	TRẦN HÀ TUẤN KIẾT	14/10/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	36.3	2	
217	9365	VI NGAI KOH KONG	12/12/2002	CẦN THƠ	THCS BA ĐÌNH	39.0	1	
218	9369	TRẦN GIA KỶ	13/11/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	40.0	1	
219	9370	TRẦN THỰC KỶ	02/02/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	40.5	1	
220	9372	LÂM TUẤN LẠC	21/09/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	35.3	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
221	9374	NGUYỄN THỊ TUYẾT LAM	01/09/2002	BẾN TRE	THCS KIM ĐỒNG	37.0	1	
222	9392	ĐÀM TÚ LINH	03/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	35.3	1	
223	9394	HỒ PHƯƠNG LINH	31/12/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	33.5	1	
224	9407	THẠCH GIA LINH	15/03/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	33.5	1	
225	9419	LƯU BẢO LONG	30/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	36.0	1	
226	9420	NGUYỄN HUY LONG	03/07/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	36.3	1	
227	9422	PHẠM THANH LONG	19/04/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	35.0	1	
228	9431	NGUYỄN GIA LỘC	28/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	42.8	1	
229	9480	VŨ ĐÀO THIÊN MỸ	24/11/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	33.5	1	
230	9515	VƯƠNG TUYẾT NGÂN	03/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	35.0	1	
231	9544	NGUYỄN THẢO NGỌC	09/03/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	36.0	1	
232	9546	TẶNG BỬU NGỌC	04/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	36.3	1	
233	9551	HỒNG PHÚ NGUYỄN	24/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	36.3	1	
234	9555	TRƯƠNG KHẢI NGUYỄN	20/07/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	35.5	1	
235	9560	TRƯƠNG BÍCH NGUYỆT	01/09/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	40.3	1	
236	9566	DƯƠNG TRỌNG NHÂN	28/05/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	36.8	1	
237	9568	HỒ NGUYỄN TRỌNG NHÂN	03/02/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	36.3	2	
238	9569	NGUYỄN GIA HIẾU NHÂN	27/01/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	40.3	1	
239	9596	PHAN BỘI NHI	10/05/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	33.8	1	
240	9598	QUÁCH TUYẾT NHI	06/07/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	43.5	1	
241	9602	TRƯƠNG BẢO NHI	23/09/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	38.3	1	
242	9604	TỬ THỰC NHI	27/09/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	38.3	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
243	9613	LÂM QUỲNH NHƯ	27/03/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	36.5	1	
244	9615	LÊ VÕ ANH NHƯ	21/05/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	35.3	1	
245	9633	HUỲNH TẤN PHÁT	12/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	40.3	1	
246	9643	LẠC CHÍ PHONG	31/07/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	36.0	2	
247	9649	PHAN VĨ PHONG	19/09/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	35.8	1	
248	9652	TRẦN VĨNH PHONG	15/08/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	35.0	1	
249	9658	PHẠM NGỌC PHÚ	01/09/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	34.3	1	
250	9661	HÀ NGÔ MINH PHÚC	07/09/2002	TPHCM	THCS BA ĐÌNH	35.3	1	
251	9663	LÊ MINH PHÚC	10/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	34.5	1	
252	9685	DƯ HUỆ PHƯƠNG	18/01/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	39.3	1	
253	9709	PHẠM NHẬT QUANG	06/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	39.5	1	
254	9746	LÊ NGỌC NHƯ QUỲNH	16/06/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	36.8	1	
255	9754	PHAN TRẦN NGỌC QUỲNH	21/01/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	36.5	1	
256	9766	QUÁCH VĂN SANH	25/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	37.8	1	
257	9774	NGŨ KIẾT TÀI	26/07/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	36.0	1	
258	9776	NGUYỄN TẤN TÀI	30/03/1999	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	33.5	1	
259	9797	PHAN THANH TÂN	19/07/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	34.5	1	
260	9812	DƯƠNG TẤN THÀNH	07/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	36.5	1	
261	9820	PHÙNG HUỲNH GIA THÀNH	11/08/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	39.3	1	
262	9821	TRẦN ĐỨC THÀNH	22/09/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	34.0	1	
263	9835	TRƯƠNG HẠO THẮNG	15/08/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	44.0	1	
264	9840	NGUYỄN QUỐC THẮNG	11/12/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	36.8	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
265	9846	LÂM BỘI	THI	22/12/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	35.3	1	
266	9859	TRẦN THỊ KIM	THOA	06/10/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	34.8	1	
267	9860	NGUYỄN NGÔ MINH	THƠ	25/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	35.8	1	
268	9878	VƯƠNG	THUẬN	12/08/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	37.3	1	
269	9881	CHÂU HỒNG	THÚY	10/01/2002	SÓC TRĂNG	THCS KIM ĐỒNG	34.8	1	
270	9899	TRẦN NGỌC ANH	THƯ	31/07/2002	CẦN THƠ	THCS KIM ĐỒNG	35.3	1	
271	9905	NGÔ ĐỒNG	THỨC	24/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	38.8	1	
272	9909	LÊ MINH	THY	15/07/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	34.5	1	
273	9910	MAI YẾN	THY	22/10/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	36.0	1	
274	9912	VÕ TRẦN QUỲNH	THY	26/07/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	34.5	1	
275	9924	NGUYỄN VÕ QUANG	TÍN	05/05/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	34.3	1	
276	9928	VƯƠNG VĨNH	TOÀN	13/05/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	38.5	1	
277	9932	LƯU VŨ BẢO	TRANG	26/02/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	37.3	2	
278	9935	NGUYỄN KIỀU	TRANG	27/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	35.5	1	
279	9954	TRANG BẢO	TRÂN	11/01/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	35.5	1	
280	9960	NGUYỄN TRIỆU THIÊN	TRÍ	08/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	34.0	1	
281	9984	NGUYỄN MINH	TRUNG	15/07/2002	TPHCM	THCS BA ĐÌNH	35.5	1	
282	9986	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	19/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	35.5	1	
283	9996	NGUYỄN TRẦN	TÚ	27/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	37.0	1	
284	10022	NGUYỄN KỲ	UYÊN	13/01/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	36.5	1	
285	10033	VẠN VY	VÂN	15/11/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	34.8	1	
286	10034	VƯƠNG MỸ	VÂN	15/06/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIẾM HÙNG	35.3	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
287	10040	TRƯƠNG NHÃ VĂN	14/03/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	39.0	1	
288	10052	ÂU DƯƠNG TRẤN VINH	26/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	36.8	1	
289	10054	DIỆC CHẤN VINH	09/09/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS MẠCH KIỂM HÙNG	33.8	1	
290	10070	HUỖNH KHÁNH VY	26/09/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	38.5	1	
291	10079	NGUYỄN KHÁNH VY	01/11/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	38.8	1	
292	10103	HUỖNH DƯƠNG PHI YẾN	28/02/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	40.8	1	
293	10267	NGUYỄN QUỐC ĐẠI	11/03/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	33.5	1	
294	10312	LÊ DƯ GIÁP HÀO	04/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	34.3	1	
295	10340	PHAN TRUNG HIẾU	31/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	37.5	2	
296	10411	NGUYỄN HOÀNG KHẢI	04/04/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	39.0	1	
297	10425	TRẦN PHỎ KHÁNH	17/05/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	40.8	1	
298	10480	PHẠM NGỌC KHÁNH LINH	08/09/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	THCS HOÀNG LÊ KHA	38.0	1	
299	10486	TIÊU MỸ LINH	17/01/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	34.0	1	
300	10513	VÕ MINH LUÂN	23/04/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	39.3	1	
301	10579	TRẦN KIM NGÂN	06/07/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	37.0	1	
302	10660	LIÊU THỊ TÚ NHI	06/02/2002	KIÊN GIANG	THCS BÌNH TÂY	35.5	2	
303	10662	NGUYỄN ĐẶNG TUYẾT NHI	05/04/2002	TP HCM	THCS HẬU GIANG	39.5	1	
304	10753	TRẦN HOÀNG PHÚC	02/04/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	THCS HOÀNG LÊ KHA	36.5	1	
305	10764	TRƯƠNG CHIÊU PHỤNG	05/04/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	40.5	1	
306	10829	HÀNG HẢI SƠN	22/09/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	38.5	1	
307	10835	ĐẶNG TẤN TÀI	24/04/2002	TPHCM	THCS HẬU GIANG	37.5	1	
308	11025	VƯƠNG HUỖNH KIM TRÚC	11/12/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	35.3	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
309	11045	GIANG THANH TUẤN	21/05/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	37.3	1	
310	11049	NGUYỄN KIM TUẤN	08/06/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HOÀNG LÊ KHA	39.0	1	
311	11140	TRẦN NGỌC YẾN	01/12/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	36.3	1	
312	11570	NGUYỄN KIM KHÁNH	21/01/2002	TPHCM	THCS PHÚ ĐỊNH	36.3	1	
313	11807	NGÔ TUYẾT NGHI	22/01/2002	TP HCM	THCS NGUYỄN ĐỨC CẢNH	39.8	1	
314	14606	TRẦN NGỌC NHƯ QUỲNH	11/07/2002	TPHCM	THCS HOÀNG QUỐC VIỆT	41.5	1	
315	14799	NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH	15/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	33.8	1	
316	14807	PHẠM CHÍ BẢO	13/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	37.3	1	
317	14819	PHẠM THÀNH CÔNG	01/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	36.8	2	
318	14824	NGÔ TIẾN DŨNG	26/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	35.8	1	
319	14858	PHAN NGỌC HÂN	30/01/2002	VĨNH LONG	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	33.8	1	
320	14873	NGÔ TIẾN HÙNG	26/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	35.3	1	
321	14907	NGÔ KIM KIỀU	02/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	35.5	1	
322	14934	KA LI SA MAD	04/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	34.5	1	
323	14979	NGUYỄN THANH NHÃ	27/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	42.8	1	
324	14987	LÊ SONG NHI	20/01/2002	NINH THUẬN	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	35.3	1	
325	14991	NGUYỄN NGỌC TUYẾT NHI	20/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	41.0	1	
326	15004	NGUYỄN NGỌC YẾN NHƯ	01/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	38.5	1	
327	15020	TRẦN PHI PHỐ	23/08/2002	BẾN TRE	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	36.3	1	
328	15035	NGUYỄN GIA PHƯỚC	24/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	34.3	1	
329	15058	ĐỖ THỊ KIM QUỲNH	28/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	37.3	2	
330	15088	PHAN THUY MINH THI	10/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	39.5	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
331	15095	SƠN ĐỨC THỊNH	10/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	37.3	1	
332	15109	NGUYỄN HỒ MINH THƯ	26/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	33.8	1	
333	15122	TRẦN THỊ CẨM TIỀN	04/11/2002	TP.HCM	THCS KHÁNH BÌNH	33.8	1	
334	15127	PHẠM THỊ KIM TIỀN	09/05/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	38.8	1	
335	15129	LÊ QUỐC TÍN	14/01/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	36.3	1	
336	15160	PHAN TRẦN PHƯƠNG TRÚC	31/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	34.0	1	
337	15168	LÊ HOÀNG TUẤN	23/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	36.5	1	
338	15169	NGUYỄN NGỌC TUẤN	06/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	45.0	1	
339	15199	TRƯƠNG LÂM XUYỀN	01/01/2002	LONG AN	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	45.0	1	
340	15204	HỒ HẢI YẾN	23/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	39.0	1	
341	15252	TRẦN NHƯ BÌNH	08/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	34.8	1	
342	15268	NGUYỄN HIẾU GIA CƯỜNG	29/08/2002	TP.HCM	THCS LÝ THÁNH TÔNG	38.8	1	
343	15280	PHẠM TRẦN QUỐC DUY	01/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	36.0	1	
344	15289	VŨ TRẦN THIÊN DUYÊN	13/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	35.3	1	
345	15296	TRẦN NGỌC ĐAN	27/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	37.0	1	
346	15322	DƯƠNG THANH GIANG	24/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	34.3	1	
347	15346	TRẦN BẢO NGỌC HÂN	24/05/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	36.8	1	
348	15402	HUỲNH MỸ HƯƠNG	05/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	35.8	1	
349	15415	ĐINH GIA KHANG	01/07/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	35.3	1	
350	15422	VŨ MINH KHANG	05/05/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	38.3	1	
351	15430	NGUYỄN TRẦN MỸ KHÁNH	08/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	33.5	1	
352	15431	PHẠM KHÁNH	19/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	36.0	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
353	15432	ĐỖ ĐĂNG KHOA	27/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	34.0	1	
354	15446	LU ANH KIẾT	15/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	33.8	1	
355	15454	ĐOÀN NGỌC HOÀNG LAN	04/05/2002	QUẢNG NGÃI	THCS CHÁNH HƯNG	35.3	1	
356	15468	PHẠM NGỌC KIỀU LINH	02/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	38.3	1	
357	15499	BÙI QUANG MINH	14/10/2002	LÂM ĐỒNG	THCS LÝ THÁNH TÔNG	36.8	1	
358	15509	NGUYỄN THỊ ÁI MY	18/09/2002	TPHCM	THCS LÝ THÁNH TÔNG	36.5	1	
359	15518	ĐỖ THỊ KIM NGÂN	14/12/2002	TPHCM	THCS LÝ THÁNH TÔNG	37.3	1	
360	15550	TẶNG THỊ BÍCH NGỌC	15/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	34.8	1	
361	15551	VÕ HOÀNG BẢO NGỌC	23/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	36.0	1	
362	15558	NGUYỄN THỊ KIM NGUYỆT	25/03/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	34.5	1	
363	15575	NGÔ HOÀNG YẾN NHI	12/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	36.3	1	
364	15585	PHAN THANH NHI	14/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	39.0	1	
365	15587	CAO THỊ QUỲNH NHƯ	10/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	36.0	1	
366	15604	TRẦN QUỲNH NHƯ	23/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	42.3	1	
367	15615	TRẦN QUANG PHÁT	25/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	33.8	1	
368	15624	PHẠM KHÁNH PHONG	06/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	37.5	2	
369	15642	PHẠM NGUYỄN MINH PHƯƠNG	06/01/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	35.3	2	
370	15645	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	29/07/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	35.8	1	
371	15648	CHÂU THIÊN PHƯƠNG	01/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	42.8	1	
372	15653	PHAN NHẬT QUANG	08/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	40.8	1	
373	15654	ĐỖ MINH QUÂN	31/03/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	34.8	1	
374	15655	NGUYỄN LÊ ANH QUÂN	29/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	34.3	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
375	15658	HỨA LÊ TÚ QUỲN	11/09/2002	TPHCM	THCS LÝ THÁNH TÔNG	35.5	1	
376	15665	LÊ VŨ NHƯ QUỲNH	24/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	34.8	1	
377	15666	NGUYỄN QUỲNH	05/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	37.5	1	
378	15669	PHẠM LÊ NHƯ QUỲNH	10/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	38.0	1	
379	15703	PHẠM NGUYỄN PHÚ THÀNH	05/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	33.5	1	
380	15707	LÊ NGUYỄN THANH THẢO	23/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	33.5	1	
381	15733	NGUYỄN VÕ ĐỨC THỊNH	20/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	35.0	1	
382	15755	TRẦN PHẠM HOÀNG THỤY	05/01/2002	ĐỒNG THÁP	THCS CHÁNH HƯNG	37.3	1	
383	15760	NGUYỄN MINH THƯ	12/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	35.5	1	
384	15775	NGUYỄN THỊ THANH TIỀN	12/12/2002	TIỀN GIANG	THCS CHÁNH HƯNG	34.0	1	
385	15795	MẠC THỊ QUỲNH TRANG	29/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	34.5	1	
386	15800	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	16/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	37.5	1	
387	15811	PHẠM TRẦN THANH TRÂM	21/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	35.3	1	
388	15823	TRỊNH MINH TRÍ	18/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	36.5	1	
389	15826	ĐẶNG PHẠM PHƯƠNG TRINH	16/08/2002	TPHCM	THCS LÝ THÁNH TÔNG	35.3	1	
390	15832	DƯƠNG DUY TRỌNG	08/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	35.3	1	
391	15858	ĐỖ VĂN TÙNG	09/07/2002	THÁI BÌNH	THCS CHÁNH HƯNG	35.8	1	
392	15867	DƯƠNG THỊ THU UYÊN	10/03/2002	QUẢNG NGÃI	THCS CHÁNH HƯNG	36.8	1	
393	15868	LƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	27/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	37.8	1	
394	15869	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	06/03/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	39.8	1	
395	15881	TRƯỜNG TƯỜNG VI	09/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	34.8	1	
396	15907	TRẦN KHÁNH VY	11/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	40.3	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
397	15913	TRẦN KIM	XUYẾN	21/06/2002	TP.HCM	THCS LÝ THÁNH TÔNG	41.0	1	
398	15952	PHẠM QUỲNH	CHI	30/10/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	37.5	1	
399	15955	PHẠM VÕ	CUỒNG	23/01/2002	TPHCM	THCS SƯƠNG NGUYỆT ANH	33.8	1	
400	15968	VÕ HOÀNG BẢO	DUY	23/03/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	33.8	1	
401	15991	ĐẶNG CAO TRÚC	ĐOAN	04/09/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	36.0	1	
402	15996	TRỊNH HOÀI	ĐỨC	27/11/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	35.3	1	
403	16010	LÊ TUYẾT	HÂN	12/03/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	39.5	1	
404	16110	HỒ NHỰT	MINH	27/02/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	35.5	1	
405	16114	TRẦN TUẤN	MINH	03/06/2002	TPHCM	THCS SƯƠNG NGUYỆT ANH	33.8	1	
406	16130	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	10/01/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	39.8	1	
407	16144	PHẠM TRẦN THIÊN	NGỌC	16/07/2002	TPHCM	THCS SƯƠNG NGUYỆT ANH	36.5	1	
408	16163	ĐỖ HỒNG	NHUNG	17/07/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	33.8	1	
409	16168	PHẠM THỊ TUYẾT	NHUNG	23/09/2002	TPHCM	THCS SƯƠNG NGUYỆT ANH	33.8	1	
410	16183	TRẦN THIÊN	PHÁT	10/10/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	37.8	1	
411	16198	PHẠM THỊ DIỄM	PHÚC	06/09/2002	DUY XUYẾN-QUẢNG NAM	THCS SƯƠNG NGUYỆT ANH	36.3	1	
412	16211	PHẠM NHẬT	QUANG	26/10/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	36.8	1	
413	16212	TRẦN THANH	QUANG	09/12/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	36.5	1	
414	16236	MOHAMAD	SOLEH	31/10/2002	TPHCM	THCS SƯƠNG NGUYỆT ANH	34.3	1	
415	16246	TRƯƠNG TRÍ	TÀI	05/07/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	35.5	1	
416	16265	CAO THỊ NGỌC	THẢO	02/05/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	38.8	1	
417	16266	LÊ HUỖNH THANH	THẢO	12/02/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	39.3	1	
418	16270	NGUYỄN LAM HỒNG	THẨM	05/04/2002	LONG AN	THCS SƯƠNG NGUYỆT ANH	41.3	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
419	16276	LẠI HỮU THỊNH	20/06/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	41.3	1	
420	16297	NGUYỄN HUỖNH ANH THƯ	01/01/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	38.3	1	
421	16300	TRẦN THỊ ANH THƯ	24/03/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	37.3	1	
422	16322	MAI QUẾ TRÂN	12/03/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	33.5	1	
423	16374	NGUYỄN QUANG VINH	28/02/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	37.8	2	
424	16382	BÙI NGỌC THẢO VY	05/08/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	36.3	1	
425	16405	LÊ HOÀNG YẾN	09/10/2002	TPHCM	THCS SƯƠNG NGUYỆT ANH	34.0	1	
426	16408	VÕ HOÀNG YẾN	14/04/2002	TP.HCM	THCS BÌNH AN	40.3	1	
427	16446	TRƯƠNG VINH DŨ	29/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	40.5	1	
428	16457	NGUYỄN THỊ XUÂN ĐÀO	17/01/2002	TPHCM	THCS PHAN ĐĂNG LƯU	37.3	1	
429	16474	NGÔ NGỌC MỸ HÀ	09/07/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	34.0	1	
430	16477	HUỖNH TRƯỞNG NHẬT HÀO	25/12/2002	CẦN THƠ	THCS PHAN ĐĂNG LƯU	34.0	1	
431	16478	LƯU GIA HÀO	16/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	40.5	1	
432	16516	NGUYỄN QUỐC HUY	30/09/2002	TPHCM	THCS PHAN ĐĂNG LƯU	34.0	1	
433	16535	TRƯƠNG TUẤN KHẢI	23/11/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	35.5	1	
434	16549	TRƯƠNG TRẦN TUẤN KIẾT	17/09/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	42.5	1	
435	16563	NGUYỄN NHỰT LINH	21/11/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	36.5	1	
436	16565	TRẦN NGỌC LINH	19/03/2002	TPHCM	THCS PHAN ĐĂNG LƯU	36.8	1	
437	16566	VÕ NGUYỄN HOÀNG LINH	24/06/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	35.3	1	
438	16601	TRẦN GIANG NAM	05/04/2002	HÀ NỘI	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	34.8	1	
439	16604	DƯƠNG THANH NGÂN	16/11/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	37.0	1	
440	16615	VÕ TRÚC NGÂN	18/08/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	34.5	2	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
441	16623	LÊ BẢO	NGỌC	21/09/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	35.5	1	
442	16689	LÊ THỊ THUỶ	PHƯƠNG	19/02/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	35.3	1	
443	16691	MAI THANH	PHƯƠNG	20/08/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	34.0	1	
444	16692	NGUYỄN NGỌC THIÊN	PHƯƠNG	13/08/2002	TPHCM	THCS PHAN ĐĂNG LƯU	35.3	1	
445	16712	TRƯỜNG NGỌC	QUYÊN	13/08/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	34.8	1	
446	16730	MONG TRIỆU	TÂM	13/01/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	35.0	1	
447	16738	PHAN THỦY	THANH	11/03/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	36.5	1	
448	16747	NGUYỄN HOÀI XUÂN	THẢO	31/05/2002	TIỀN GIANG	THCS PHAN ĐĂNG LƯU	36.5	1	
449	16753	ĐĂNG THANH	THIÊN	08/10/2002	TPHCM	THCS PHAN ĐĂNG LƯU	39.3	1	
450	16757	TRẦN THANH	THIỆN	12/04/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	34.3	1	
451	16794	HỒ NGỌC	TÍN	03/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	37.8	1	
452	16795	HUỲNH TRUNG	TÍN	20/11/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	34.5	1	
453	16801	TÔ THANH	TÔNG	27/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	37.5	1	
454	16805	PHẠM THỊ DUYỀN	TRANG	09/07/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	35.0	1	
455	16828	ĐINH MINH	TRÚC	14/09/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	35.8	1	
456	16833	VÕ THANH	TRÚC	31/01/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	33.8	1	
457	16846	LÂM QUỐC	TUẤN	19/08/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	37.0	1	
458	16860	VÕ TRẦN MỸ	UYÊN	10/03/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	33.5	1	
459	16861	NGUYỄN THANH	VÂN	13/11/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	37.3	1	
460	16868	GIP XƯƠNG	VINH	25/07/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	35.0	1	
461	16878	HUỲNH LƯU THẢO	VY	07/12/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	34.8	1	
462	16886	NGUYỄN XUÂN TƯỜNG	VY	14/02/2002	TPHCM	THCS PHAN ĐĂNG LƯU	37.3	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỜNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
463	16895	TRẦN NGỌC PHƯƠNG YẾN	27/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIÊN VƯƠNG	39.0	1	
464	16922	TRẦN GIA BẢO	11/11/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LÊ LAI	39.3	1	
465	17014	LƯU YẾN HƯƠNG	13/05/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LÊ LAI	34.8	1	
466	17015	NGUYỄN ĐOÀN THANH HƯƠNG	04/12/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LÊ LAI	34.5	1	
467	17246	NGUYỄN HOÀNG XUÂN THÙY	26/04/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LÊ LAI	33.8	1	
468	17256	NGUYỄN LÊ ANH THƯ	14/07/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LÊ LAI	40.8	1	
469	17264	TRẦN THÁI THY	02/01/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LÊ LAI	33.5	1	
470	17349	PHẠM NGUYỄN TƯỜNG VY	11/01/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LÊ LAI	34.0	1	
471	17350	TRẦN PHẠM KHÁNH VY	24/02/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LÊ LAI	37.3	1	
472	20090	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	31/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	38.5	1	
473	20110	VÕ HOÀNG MINH ANH	27/11/2002	TP.HCM	THCS HOÀNG VĂN THỤ	34.5	1	
474	20117	ĐỒNG GIA ÂN	26/01/2002	TP HCM	THCS NGUYỄN VĂN TỔ	34.8	2	
475	20142	BÙI NGỌC THÚY BÌNH	23/09/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	34.5	1	
476	20157	PHÚ VÕ BÍCH CHÂU	21/02/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	34.5	1	
477	20159	CHUNG BỘI CHI	05/12/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	40.3	1	
478	20205	CHÂU HẢI DUYÊN	21/07/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	33.5	1	
479	20211	MÃ LÂM DƯƠNG	12/09/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	38.5	1	
480	20238	LÂM TUẤN ĐÔN	04/11/2002	TP HCM	THCS NGUYỄN VĂN TỔ	36.0	2	
481	20262	ĐỖ VĂN HẢO	12/03/2002	TP.HCM	THCS HOÀNG VĂN THỤ	37.8	1	
482	20274	LÊ NGỌC HÂN	15/02/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	39.5	1	
483	20350	NGUYỄN VÕ CHẤN HUY	27/01/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	38.8	1	
484	20355	TRẦN MINH HUY	11/09/2002	TP.HCM	THCS HOÀNG VĂN THỤ	38.5	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
485	20399	LƯU CHÍ KHANG		25/10/2002	TP.HCM	THCS HOÀNG VĂN THỤ	35.5	1	
486	20445	HÀ TUẤN KIẾT		09/06/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	34.3	1	
487	20472	HÀ XUÂN LÊ		20/12/2002	TP.HCM	THCS HOÀNG VĂN THỤ	34.5	1	
488	20475	DƯƠNG NGỌC THÙY LINH		17/01/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LẠC HỒNG	39.3	1	
489	20495	HÀ BẢO DUY LONG		08/05/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	35.3	1	
490	20505	LÊ NGUYỄN XUÂN LỘC		29/06/2002	QUẢNG NAM	THCS HOÀNG VĂN THỤ	36.5	1	
491	20514	LANG NHẬT LỢI		12/04/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LẠC HỒNG	37.0	2	
492	20532	VƯƠNG GIA MẮN		29/05/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	35.0	1	
493	20555	LÊ THỊ KIM MỸ		18/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	37.8	1	
494	20576	PHAN THỊ TUYẾT NGÂN		27/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	34.3	1	
495	20647	NGÔ NGỌC NHI		05/07/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	35.5	1	
496	20744	NGUYỄN QUỐC VINH QUANG		18/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	36.0	2	
497	20749	MAI NGỌC ĐÔNG QUÂN		29/10/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LẠC HỒNG	39.8	1	
498	20770	NGUYỄN BẢO NGÂN QUỲNH		03/12/2002	TP.HCM	THCS HOÀNG VĂN THỤ	37.8	1	
499	20799	TRẦN MỸ TÂM		31/01/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	37.5	1	
500	20802	NGUYỄN VĂN TÂN		10/10/2002	TP.HCM	THCS HOÀNG VĂN THỤ	38.0	1	
501	20858	LÊ PHƯỚC THỊNH		29/01/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	35.8	1	
502	20876	LÊ KIM THỦY		27/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	33.5	1	
503	20912	TỬ MỸ TIÊN		31/10/2002	TP HCM	THCS NGUYỄN VĂN TỔ	33.8	1	
504	20955	LÊ NGUYỄN BẢO TRÂN		26/10/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	37.3	1	
505	20959	QUÁCH BẢO TRÂN		31/10/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS LẠC HỒNG	39.5	1	
506	20971	TRẦN MINH TRÍ		02/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	34.5	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
507	21043	NGUYỄN NGỌC KIM	TUYỀN	18/05/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	36.3	1	
508	21061	VÕ HOÀNG THÚY	UYÊN	18/03/2002	TP.HCM	THCS HOÀNG VĂN THỤ	33.8	1	
509	21112	LÊ THANH	VY	12/02/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	34.0	1	
510	21256	HUỲNH TRUNG	HẬU	27/04/2002	BẾN TRE	THCS CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	34.8	1	
511	21395	TRANG KIM	NGÂN	28/04/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	34.3	1	
512	21430	LÊ YẾN	NHI	02/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	35.5	2	
513	21474	NHAN BỬU	PHƯỚC	26/03/2002	SÓC TRĂNG	THCS CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	35.0	2	
514	21497	NGUYỄN KHÁNH LAN	QUỲNH	15/02/2002	HỒ CHÍ MINH	TIH-THCS-THPT VIỆT ÚC	37.5	1	
515	21638	TRƯƠNG THỊ THANH	VÂN	20/04/2002	KIÊN GIANG	THPT DIỄN HỒNG	34.8	1	
516	21732	HUỲNH NGỌC	BÍCH	01/04/2002	TP.HCM	THCS HẬU GIANG	38.0	1	
517	21733	HUỲNH NGÔ NGỌC	BÍCH	28/05/2002	TP.HCM	THCS LỮ GIA	37.5	1	
518	21768	NGUYỄN ĐÀO HỒNG	CHI	16/01/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN MINH HOÀNG	37.3	1	
519	21787	CHUNG GIA	DOANH	11/01/2002	TP.HCM	THCS HẬU GIANG	41.0	1	
520	21964	ĐỖ ĐĂNG	HÙNG	19/07/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS CHU VĂN AN	33.5	1	
521	22102	TỬ ANH	LUÂN	10/08/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN MINH HOÀNG	38.8	1	
522	22138	NGUYỄN LƯU THẢO	MY	07/01/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN MINH HOÀNG	36.8	1	
523	22168	HỨA PHƯƠNG	NGHI	08/01/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS CHU VĂN AN	38.5	1	
524	22185	ĐỖ DUY	NGHIỆP	18/10/2002	HỒ CHÍ MINH	THCS CHU VĂN AN	43.3	1	
525	22222	HUỲNH MỸ	NHI	02/11/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN MINH HOÀNG	35.5	1	
526	22235	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	28/10/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS CHU VĂN AN	37.3	1	
527	22443	TRƯƠNG PHẠM THANH	THANH	19/01/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN MINH HOÀNG	36.0	1	
528	22457	LÝ THÁI	THÀNH	02/01/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS CHU VĂN AN	39.5	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
529	22547	DƯƠNG CẨM TOÀN	16/02/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN MINH HOÀNG	34.8	1	
530	22585	VÕ MINH TRÍ	27/01/2002	TP.HCM	THCS LỮ GIA	33.5	1	
531	22668	TRẦN QUANG VINH	07/11/2002	TP.HCM	THCS LỮ GIA	35.3	1	
532	22676	PHẠM YẾN VY	30/04/2002	TP.HCM	THCS LỮ GIA	40.3	1	
533	22701	KHUU VÕ NGUYỄN AN	12/08/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN VĂN PHÚ	35.0	1	
534	22723	NGUYỄN NGỌC TÚ ANH	30/07/2002	TP.HCM	THCS LÊ ANH XUÂN	36.3	1	
535	22941	HỨA BẢO HÂN	27/10/2002	TP.HCM	THCS PHÚ THỌ	34.0	1	
536	22942	KHỔNG BỘI HÂN	18/12/2002	TP HCM	THCS LÊ ANH XUÂN	36.3	1	
537	23136	TRẦN THỊ ÁNH LINH	11/11/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN VĂN PHÚ	34.0	1	
538	23374	DƯƠNG KIẾN NÔNG	22/11/2002	TP.HCM	THCS PHÚ THỌ	35.8	1	
539	23377	NGUYỄN HOÀNG NHẬT OANH	10/10/2002	TP.HCM	THCS PHÚ THỌ	39.5	1	
540	23433	GIỆP TIỂU PHỤNG	19/07/2002	TP.HCM	THCS PHÚ THỌ	35.8	1	
541	23449	LÔ ANH PHƯƠNG	23/04/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN VĂN PHÚ	35.5	1	
542	23454	TẶNG THỤC PHƯƠNG	05/03/2002	TP.HCM	THCS PHÚ THỌ	40.0	1	
543	23494	LÊ THÚY QUYÊN	20/07/2002	TP.HCM	THCS PHÚ THỌ	37.5	1	
544	23557	ĐỖ HÒA THÀNH	14/10/2002	HCM	THCS LÊ ANH XUÂN	34.8	1	
545	23662	NGUYỄN THỊ BÍCH TRANG	01/03/2002	TP.HCM	THCS LÊ ANH XUÂN	39.3	1	
546	23665	TRẦN MỸ TRANG	17/05/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN VĂN PHÚ	40.8	1	
547	23679	ĐOÀN BẢO TRẦN	26/05/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN VĂN PHÚ	41.0	1	
548	23690	TRẦN TÚ TRẦN	29/11/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN VĂN PHÚ	36.0	2	
549	23691	VĂN LỆ TRẦN	30/09/2002	TP HCM	THCS LÊ ANH XUÂN	34.3	1	
550	23702	MÃ VĂN TRIỆU	26/10/2002	TP.HCM	THCS LÊ ANH XUÂN	36.5	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)

TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
551	23814	VÒNG THẾ VINH	05/08/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN VĂN PHÚ	38.5	1	
552	23841	LƯU GIA YẾN	27/12/2002	TP.HCM	THCS PHÚ THỌ	37.3	1	
553	23843	LƯU PHỤNG YẾN	23/08/2002	TP.HCM	THCS PHÚ THỌ	38.5	1	
554	38190	NGUYỄN TUYẾT TRÂN	29/09/2002	TP.HCM	THCS LÝ THƯỜNG KIỆT	34.0	1	
555	39855	HUỲNH TUẤN KIỆT	14/12/2002	TPHCM	THCS NGUYỄN GIA THIỀU	33.8	1	
556	40580	LIN CHẤN VINH	09/12/2002	TP.HCM	THCS PHẠM NGỌC THẠCH	37.0	1	
557	45160	DƯƠNG GIA BẢO	03/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	37.8	1	
558	45166	NGUYỄN PHẠM GIA BẢO	27/03/2002	Q1 - TP HCM	THCS PHONG PHÚ	34.5	1	
559	45179	NGUYỄN NGỌC VÂN BÌNH	08/01/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	39.0	1	
560	45283	LÊ DIỄM HẠNH	19/12/2002	Q5- TP HCM	THCS PHONG PHÚ	35.0	1	
561	45331	ĐỖ ĐĂNG HUY	23/07/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	39.0	1	
562	45370	LÊ MINH KHOA	21/02/2002	Q5 - TP HCM	THCS PHONG PHÚ	37.3	2	
563	45376	TRẦN NGUYỄN MINH KHÔI	26/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	42.0	1	
564	45452	NGUYỄN NGỌC THÚY MY	16/10/2002	AN GIANG	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	39.8	1	
565	45464	NGUYỄN THỊ THUÝ NGA	23/05/2002	Q5 - TP HCM	THCS PHONG PHÚ	43.0	1	
566	45485	TRẦN THỊ THANH NGÂN	26/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	35.0	1	
567	45487	QUÁCH PHƯƠNG NGHI	25/07/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	42.3	1	
568	45511	PHẠM NHƯ NGUYỆT	16/11/2002	TÂY NINH	THCS ĐA PHƯỚC	34.3	1	
569	45561	LÝ THỊ HOÀNG OANH	24/10/2002	Q1 - TP HCM	THCS PHONG PHÚ	35.0	1	
570	45578	LÊ DƯƠNG HỮU PHÚC	20/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	36.8	1	
571	45656	DƯƠNG NHÂN TÂM	12/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	35.0	1	
572	45705	VŨ HUỲNH NGUYỄN THỊNH	02/05/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	36.5	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
573	45730	PHẠM MINH THƯ	29/10/2002	BÌNH ĐỊNH	THCS ĐA PHƯỚC	36.3	1	
574	45754	NGUYỄN UYÊN TRANG	10/02/2002	VĨNH LONG	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	40.3	1	
575	46054	NGUYỄN THỊ DIỄM HƯƠNG	19/05/2000	BẠC LIÊU	THCS BÌNH CHÁNH	37.5	1	
576	60190	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	17/12/2002	TP.HCM	THCS THOẠI NGỌC HẦU	40.0	1	
577	60390	ĐẶNG THANH HUY	12/08/2002	TP.HCM	THCS THOẠI NGỌC HẦU	33.5	1	
578	63138	TRẦN NHẬT TUẤN	11/01/2002	TP. HCM	THCS ĐỒNG KHÔI	35.3	1	
579	90266	VŨ QUANG HUY	30/09/2002	HÀ NỘI	THCS NGUYỄN HỮU THỌ	36.8	2	
580	91709	VŨ KHÁNH NGỌC	02/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THPT LƯƠNG THẾ VINH	35.5	2	
581	91912	CÔNG THÁI GIA BẢO	27/02/2002	TP HCM	THCS LÊ QUÝ ĐÔN	36.5	2	
582	92046	NGUYỄN LÊ NHI	07/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS NGUYỄN HIỀN	34.0	1	
583	92074	PHẠM THÚY QUÂN	04/04/2002	TP.HCM	THCS NGUYỄN DU	36.5	2	
584	92230	NGUYỄN NGỌC THU ANH	08/06/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	37.5	1	
585	92251	VŨ MINH ANH	11/07/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	36.8	1	
586	92297	LÝ NGUYỄN CHƯƠNG	12/03/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	39.0	1	
587	92336	VÕ KHÁNH DƯƠNG	17/11/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	37.5	2	
588	92356	KHA NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	09/05/2002	ĐÀ NẴNG	THCS BA ĐÌNH	43.8	1	
589	92388	LÊ NGUYỄN HÀO	14/12/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	34.5	1	
590	92439	NGUYỄN HOÀNG QUỐC HUY	14/09/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	36.8	3	
591	92442	NGUYỄN PHÚ HUY	02/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	37.3	1	
592	92471	TRẦN NGUYỄN VĨNH KHANG	16/05/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	34.3	1	
593	92483	LÝ NGUYỄN KHÁNH	12/03/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	38.0	1	
594	92555	TRẦN NGUYỄN PHI LONG	19/02/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	36.5	2	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
595	92596	PHAN NHẬT NAM	03/12/2002	TP.HCM	THCS HOÀNG VĂN THỤ	36.3	2	
596	92726	LÊ NGUYỄN PHÚC NINH	05/08/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	35.5	1	
597	92776	HÀ MINH QUÂN	23/01/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	34.5	1	
598	92856	TRẦN NGỌC YÊN	11/05/2001	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	36.5	2	
599	92874	TRẦN QUỐC THỊNH	10/10/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	35.5	2	
600	92887	ĐẶNG NGỌC THƯ	21/12/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	38.3	2	
601	93021	NGUYỄN THANH PHƯƠNG UYÊN	17/01/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	39.0	2	
602	93034	PHÓ THÚY VÂN	02/01/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	35.5	2	
603	93135	NGUYỄN NGỌC HẢI	10/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	36.3	2	
604	93136	NGUYỄN TRÍ HẢI	29/01/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	40.0	1	
605	93258	HOÀNG MINH PHÚC	22/11/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	38.8	2	
606	93262	NGUYỄN MINH PHÚC	26/08/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	38.5	1	
607	93301	TRỊNH KHIẾT TÂM	06/03/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	38.0	1	
608	93305	TỪ HOÀNG THÁI	16/12/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	35.3	1	
609	93323	PHAN HUỲNH QUANG THỊNH	08/08/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	39.0	2	
610	93383	NGUYỄN THỊ YẾN VI	01/01/2002	NGHỆ AN	THCS HỒNG BÀNG	37.3	2	
611	93417	TRẦN TIẾN ĐẠT	10/05/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	35.8	1	
612	93437	NGUYỄN ĐỨC HUY	05/11/2002	BÌNH ĐỊNH	THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	39.8	1	
613	93446	NGUYỄN VÂN KHÁNH	14/03/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	34.5	2	
614	93455	TRẦN QUỐC ĐĂNG KHOA	14/10/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	37.3	2	
615	93705	ĐUỜNG GIA HUY	24/04/2002	TP HCM	THCS LÊ ANH XUÂN	40.0	1	
616	93709	PHẠM THÀNH HÙNG	07/11/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HÙNG	38.3	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
617	93745	THÁI CẨM	PHONG	24/03/2002	TP HCM	THCS LÊ ANH XUÂN	39.3	1	
618	93766	NGUYỄN XUÂN	THÀNH	08/03/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	36.0	2	
619	93775	NGUYỄN MINH	TIẾN	13/06/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	39.3	1	
620	93810	NGUYỄN LÊ NHÃ	ANH	01/01/2002	TP.HCM	THCS HOÀNG VĂN THỤ	40.3	1	
621	93951	ĐỖ GIA	KHÁNH	19/02/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	35.3	1	
622	93979	PHAN LÝ	KIỆT	03/07/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	39.3	1	
623	94129	LÊ TRUNG ANH	QUỐC	04/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS KIM ĐỒNG	37.5	2	
624	94234	NGUYỄN HOÀNG MINH	TÚ	09/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	35.3	2	
625	94237	LÂM ĐỖ MINH	TUẤN	05/10/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	37.3	2	
626	94253	TRỊNH TRÍ	VĂN	30/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	45.0	1	
627	94277	LÂM GIA	HÂN	24/12/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS TRẦN BỘI CƠ	36.0	2	
628	94365	HÀ THI	HÂN	16/10/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	39.0	2	
629	94388	TRẦN ĐÀM GIA	HUY	11/09/2002	TP.HCM	THCS BA ĐÌNH	41.8	1	
630	94407	TRẦN THIÊN	KIM	27/05/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	36.5	2	
631	94408	HUỲNH THỊ MỸ	LÂM	15/02/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	34.5	2	
632	94495	HUỲNH MINH	NHƯ	28/08/2002	VĨNH LONG	THCS HỒNG BÀNG	35.8	2	
633	94501	NGUYỄN KIM	NHƯ	22/12/2002	TP HCM	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	35.8	2	
634	94529	HỨA KHẢ	QUÂN	08/12/2002	SÓC TRĂNG	TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GO	37.0	2	
635	94617	TRẦN THỊ THANH	TUYẾN	06/06/2002	TP.HCM	THCS LÝ PHONG	38.5	1	
636	94643	VÕ THANH	VY	20/08/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS HỒNG BÀNG	34.8	1	
637	94659	LÃ NGỌC MINH	ANH	10/05/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	40.0	1	
638	94701	DƯƠNG NGUYỄN THANH	HÀ	27/09/2002	TP.HCM	THCS KHÁNH BÌNH	37.3	2	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỜNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
639	94746	ĐINH MỸ KỲ	27/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	40.8	1	
640	94769	VÕ CAO HẠNH MINH	13/02/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	38.0	2	
641	94803	TRIỆU ĐẶNG TÚ NHI	30/03/2002	TPHCM	THCS LÊ ANH XUÂN	39.8	1	
642	94823	NGÔ HOÀNG PHÚC	02/08/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	35.5	1	
643	94950	LÊ HUY HẠO	24/12/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	THCS ĐA PHƯỚC	39.5	1	
644	94972	LƯU HOÀNG MINH	11/01/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG	38.8	2	
645	94983	NGUYỄN GIA NGỌC	12/04/2002	TP.HCM	THCS PHẠM ĐÌNH HỔ	40.8	1	
646	94994	NGUYỄN MINH NHỰT	21/07/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	37.0	1	
647	95027	HUỲNH DUY TÚ	25/04/2002	TP HCM	THCS LÊ ANH XUÂN	37.0	1	
648	95072	PHÙNG TẤN PHÁT	07/01/2002	TPHCM	THCS SƯƠNG NGUYỆT ANH	42.3	1	
649	95117	NGUYỄN MINH HẢO	16/04/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	35.8	1	
650	95134	ĐINH HỒ ĐOAN NGHI	16/04/2002	ĐAK LAK	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	37.5	1	
651	95148	TRẦN XUÂN QUỲNH	09/11/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	34.5	1	
652	95168	NGUYỄN NGỌC BẢO VY	23/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	39.3	1	
653	95201	KHỔNG TÍN HÀO	05/11/2002	TP.HCM	THCS HẬU GIANG	34.0	1	
654	95226	NGUYỄN ANH KHOA	28/12/2002	BÌNH DƯƠNG	THCS CHÁNH HƯNG	38.3	2	
655	95229	PHẠM HOÀNG LÂM	31/05/2002	TP HCM	THCS LÊ ANH XUÂN	34.8	1	
656	95269	LÊ TRẦN ĐĂNG PHONG	04/12/2002	TIỀN GIANG	THCS CHÁNH HƯNG	36.5	1	
657	95290	TRẦN THỊ THANH TÂM	30/07/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	37.0	2	
658	95298	LÊ ANH THI	12/02/2002	LONG AN	THCS SƯƠNG NGUYỆT ANH	34.5	1	
659	95313	TRẦN THỊ THÙY TRANG	13/08/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	36.8	1	
660	95315	PHẠM NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	07/03/2002	TP.HCM	THCS KHÁNH BÌNH	38.8	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỜNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
661	95328	NGUYỄN ĐÌNH MINH	TÚ	10/06/2002	TP.HCM	THCS KHÁNH BÌNH	39.0	2	
662	95338	CAO HOÀNG	YẾN	11/12/2002	TP.HCM	THCS KHÁNH BÌNH	43.5	1	
663	95340	TRẦN TƯ	BỒI	21/05/2002	TP.HCM	THCS HẬU GIANG	33.5	1	
664	95341	DUNG HUỆ	CHI	13/03/2002	TP.HCM	THCS HẬU GIANG	34.8	1	
665	95344	PHONG SỞ	ĐÌNH	16/09/2002	TP HCM	THCS LÊ ANH XUÂN	36.3	1	
666	95347	LƯU THẾ	HÀO	09/07/2002	TP HCM	THCS LÊ ANH XUÂN	36.3	1	
667	95351	TRỊNH XUÊ	LỄN	29/07/2002	ĐỒNG NAI	THCS HẬU GIANG	33.5	1	
668	95353	TRẦN ÂN	NHÀN	19/06/2002	TP.HCM	THCS HẬU GIANG	35.5	2	
669	95358	LÂM BẢO	QUÂN	25/11/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	33.5	1	
670	95366	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	19/08/2002	TP HCM	THCS HẬU GIANG	36.0	1	
671	95377	NGUYỄN MINH	ĐỨC	23/10/2002	CẦN THƠ	THCS CHÁNH HƯNG	33.5	1	
672	95383	TRƯƠNG NGỌC MỸ	HÂN	12/05/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	36.0	1	
673	95393	KHA HUỖNH KỶ	HƯỜNG	25/09/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	34.5	1	
674	95398	HUỖNH THỊ TRÚC	LINH	05/02/2002	QUẢNG NGÃI	THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	36.0	1	
675	95443	HOÀNG MINH	QUÂN	15/08/2002	HỒ CHÍ MINH	THCS CHU VĂN AN	37.3	2	
676	95464	NGUYỄN ĐỨC	TRÍ	23/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MI	THCS CHÁNH HƯNG	38.0	1	
677	95466	KHỔNG TRIỀU	TUẤN	14/12/2002	CÀ MAU	THCS NGUYỄN VĂN LƯƠNG	38.8	2	
678	95477	LÊ NHẬT	VY	26/12/2002	TP HỒ CHÍ MINH	THCS CHU VĂN AN	38.5	2	
679	96459	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	30/04/2002	TP. HỒ CHÍ MINH	THCS BÌNH TÂY	36.5	1	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC (QUA THI TUYỂN)
TRƯỜNG THPT TRẦN KHAI NGUYỄN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	NGÀY SINH	NƠI SINH	THÍ SINH TRƯỞNG	ĐIỂM TUYỂN 10	TRÚNG TUYỂN NV	NỘP HỒ SƠ
----------	-----	-----------------------	--------------	----------	-----------------	------------------	-------------------	--------------

DANH SÁCH NÀY CÓ : 679 THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CÔNG LẬP NĂM HỌC
TRONG ĐÓ CÓ : 0 TS NỘP HỒ SƠ ; 679 KHÔNG NỘP HỒ SƠ

DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
DANH SÁCH NÀY CÓ : HỒ SƠ HỢP LỆ
VÀ CÓ :HỒ SƠ KHÔNG HỢP LỆ

#Name?
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP BẢNG

#Name?
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Đạt